TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAH'LEO** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DSST
Ngày: 24/6/2019.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Thịnh
Các hội thẩm nhân dân gồm có:
1. Ông Trần Quang Thắng
2. Ông Võ Ánh Sửu

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2018/TLST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST–DS, ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Ngô Thị T – sinh năm 1985
Nơi cư trú: Thôn 02, xã N, huyện L, Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị H – sinh năm 1995. Có mặt.
Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện L, Đắk Lắk.
***Bị đơn*:** Bà Ngô Thị B sinh năm 1976. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn 01, xã N, huyện L, Đắk Lắk.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Văn A – sinh năm 1974. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn 01, xã N, huyện L, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị T là bà Trần Thị H trình bày:***

Vào ngày 20/01/2016, bà Ngô Thị T có cho bà Ngô Thị B vay số tiền là 160.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Hẹn đến cuối năm 2016 sẽ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi. Bà B có ký xác nhận vào giấy vay viết tay với bà T. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bà B cố tình trốn tránh không chịu trả nợ nên nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả toàn bộ số nợ gốc đã vay là 160.000.000đồng và tiền lãi kể từ ngày vay 20/01/2016 cho đến khi xét xử theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng.

Bà T xác định chỉ yêu cầu một mình bà B trả nợ, không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Văn A là chồng bà B.

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Thị B trình bày:***

Vào năm 2012 tôi có vay của cô Ngô Thị T số tiền là 160.000.000đồng với lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Thời hạn vay khi nào bà T cần thì tôi sẽ trả. Quá trình vay tôi đã trả lãi đầy đủ cho cô T từ năm 2012 cho đến năm 2016. Năm 2017 thì tôi có trả thêm cho cô T được 20.000.000đồng tiền lãi. Việc tôi trả lãi thì có gi vào sổ, giấy tờ của cô T đang giữ. Nay cô T khởi kiện yêu cầu tôi trả 160.000.000đồng và lãi suất 1,5%/tháng kể từ năm 2016 đến nay thì tôi xác định: Tôi hiện còn nợ cô T 160.000.000đồng tiền gốc và chấp nhận trả số tiền này. Về thời điểm vay thì tôi xác định là vay năm 2012 chứ không phải năm 2016 nên tôi không chấp nhận giấy vay 2016. Về lãi suất thì do tôi đã trả cho cô T tiền lãi quá nhiều nên đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền lãi tôi đã trả. Ngoài ra, Đối với việc vay tiền chỉ có một mình tôi đứng ra vay tiền không liên quan gì đền chồng tôi là anh Nguyễn Văn A và các con, chồng tôi không biết tôi vay tiền nên tôi xin một mình chịu trách nhiệm trả nợ cho cô T và xin trả dần hàng năm từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

****Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày:***

Tôi là chồng của cô Ngô Thị B, việc vay nợ giữa vợ tôi và cô T như thế nào thì tôi không biết và không có liên quan. Nay, số nợ vợ tôi vay thì để một mình vợ tôi chịu trách nhiệm trả nợ cho cô T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đối với bị đơn bà Ngô Thị B là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T buộc bị đơn bà Ngô Thị B phải trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo thỏa thuận 1,5%/tháng kể từ khi vay tiền cho đến nay thì thấy như sau:

Phía nguyên đơn xác định, vào ngày 20/01/2016 bà B vay của bà T số tiền 160.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, hẹn cuối năm 2016 sẽ thanh toán toàn bộ.

Tại phiên tòa ngày 03/5/2019, Phía bị đơn bà B cho rằng không có vay của bà T vào năm 2016 mà chỉ vay của bà T vào năm 2012 với số tiền là 160.000.000đồng và lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng nên không chấp nhận giấy vay ngày 20/01/2016 và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Thị B trong giấy vay ngày 20/01/2016 nói trên. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà B. Tuy nhiên, trong thời hạn ấn định, bà B đã không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và tại phiên tòa hôm nay thì bà B xác định không yêu cầu giám định giấy vay nói trên nữa. Như vậy, bà B đã từ chối nghĩa vụ chứng minh của

mình theo quy định tại khoản 1 Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét chứng cứ là giấy vay đề ngày 20/01/2016 và lời thừa nhận của bị đơn bà Ngô Thị B trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa là bà hiện còn nợ bà T 160.000.000đồng tiền gốc. Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định là bà B có vay của của bà T số tiền 160.000.000đồng tiền gốc đến nay chưa trả. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà B phải trả cho bà T số tiền gốc đã vay là 160.000.000đồng.

Về thời hạn vay, phía nguyên đơn bà T cho rằng thời hạn trả nợ là cuối năm 2016 bà B sẽ trả, tuy nhiên trong nội dung giấy vay đề ngày 20/01/2016 không có ghi rõ thời hạn vay và thời điểm trả nợ gốc. Đồng thời phía bà B cũng không xác định cụ thể về thời hạn trả nợ gốc. Do vậy, cần xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn.

Về yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn: Phía nguyên đơn bà T cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, còn phía bị đơn bà B cho rằng lãi suất là 2,5%/tháng. Các bên đều không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về mức lãi suất nói trên và trong giấy vay ngày 20/01/2016 không có ghi cụ thể mức lãi suất. Như vậy, các bên có tranh chấp về lãi suất và mức lãi suất mà bị đơn đưa ra là 2,5%/tháng vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, cần áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết trong trường hợp này.

Phía bị đơn cho rằng có trả lãi đầy đủ cho bà T từ năm 2012 cho đến năm 2016 và năm 2017 có trả thêm cho bà T 20.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận và bà B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc có trả số tiền lãi nói trên. Do phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 20/01/2016 đến nay chứ không phải từ năm 2012 là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận nhưng chỉ tính theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do vậy, Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 cần buộc bà B phải trả cho bà T số tiền lãi chưa trả kể từ ngày 20/01/2016 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 24/6/2019 (03 năm 5 tháng 4 ngày) theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng). Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

160.000.000đồng x 0,75%/tháng x 41 tháng 4 ngày = 49.360.000đồng

Như vậy, cộng với tiền gốc còn nợ thì bà B phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền là: 160.000.000đồng + 49.360.000đồng = **209.360.000đồng**

Trong đó tiền vay gốc là 160.000.000đồng, tiền lãi là 49.360.000đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn A là chồng bà B cho rằng bà B vay bà T thế nào, ông không biết và không liên quan nên không cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà B thì trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định số nợ này chỉ một mình bà B đứng ra vay và sử dụng cá nhân, không liên quan gì đến ông A. Phía nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà B trả nợ và bà B cũng tự nhận một mình chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T. Do vậy, cần buộc một mình bà B trả toàn bộ số nợ trên cho bà T là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là:

209.360.000đồng x 5% = 10.468.000đồng

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T.

Buộc bà Ngô Thị B phải có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị T tổng số tiền là **209.360.000đồng (***Hai trăm lẻ chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng)*. Trong đó tiền vay gốc là 160.000.000đồng, tiền lãi là 49.360.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Ngô Thị B phải nộp 10.468.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Ngô Thị T 4.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai số 0004249 ngày 06/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-*VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Ea H'leo;*
- *Chi cục THA huyện L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thịnh